

ĐIỂM SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT CÙNG KHÓA K52, K53, K54

Học kỳ: II, Năm học: 2021-2022

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
1	K52 HDDL	18D4011560	Nguyễn văn Thắng	06/02/1997	7.7	6.0	6.5	Cơ sở văn hóa Việt Nam
2	K51 HDDL2	17D4011428	Hồ Xuân Trường	20/01/1999	8.7	4.0	5.4	Cơ sở văn hóa Việt Nam
3	K51 TCSK	17D4021115	Lê Hà Hoàng Ngân	15/05/1999	8.3	7.5	7.7	Cơ sở văn hóa Việt Nam
4	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	8.5	4.0	5.4	Cơ sở văn hóa Việt Nam
5	K52 TTMKT	18D4021003	Nguyễn Thị Lan Anh	29/04/2000	8.5	4.0	5.4	Cơ sở văn hóa Việt Nam
6	K53LH2	19D4011185	Nguyễn Thị Hoa	01/08/2001	7.5	6.9	7.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam
7	K53 LH3	19D4011524	Phan Thị Minh Sang	04/04/2001	8.7	8.0	8.2	Địa lý du lịch
8	K53 LH3	19D4011761	Nguyễn Thị Hồng Yên	11/07/2001	8.7	8.0	8.2	Địa lý du lịch
9	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	0.0	8.3	5.8	Khoa học môi trường
10	K54 QTKD	20D4020072	Đỗ Uyên Nhi	29/08/2002	8.7	5.8	6.7	Kinh tế học ứng dụng
11	K51 QTKD	17D4021133	Bùi Quang Nhật	13/04/1999	9.0	3.0	4.8	Kinh tế lượng
12	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	8.3	6.3	6.9	Kinh tế lượng
13	0	16D4011120	Nguyễn Kim Luyt	00/01/1900	9.0	3.5	5.2	Kinh tế lượng
14	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	9.0	5.3	6.4	Kinh tế vi mô
15	K52 QTKS1	18D4051108	Đoàn Thị Mỹ Liên	03/03/2000	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vi mô
16	K52 QTKS ĐT1	18D4051145	Nguyễn Thị Huyền My	05/09/2000	7.7	4.8	5.7	Kinh tế vi mô
17	K52 QTKS1	18d4051171	Hồ Thị Hiền Nhi	27/07/2000	9.3	5.8	6.9	Kinh tế vi mô
18	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	9.0	1.0	3.4	Kinh tế vi mô
19	K52 QTKS1	18D4051272	Nguyễn Thị Thương	04/04/2000	9.3	2.3	4.4	Kinh tế vi mô
20	K52 NHAU	18D4061005	Lê Thị Ngọc Châu	18/03/2000	0.0	1.0	0.7	Kinh tế vi mô
21	K52 NHAU	18D4061026	Trần Thị Ánh Ngọc	07/07/2000	9.2	3.0	4.9	Kinh tế vi mô
22	K52 NHAU	18D4061041	Mai Bá Hữu Pháp	14/09/2000	9.2	7.3	7.9	Kinh tế vi mô
23	2	19D4041025	Ngô Thị Mỹ Bích	28/04/2001	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vi mô
24	2	19D4041156	Cao Thanh Huyền	20/06/2001	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vi mô

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
25	1	19D4041196	Lê Thị Kiều Loan	21/04/2001	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vi mô
26	2	19D4041253	Dương Văn Nguyên	14/01/2000	0.0	0.0	0.0	Kinh tế vi mô
27	0	18D4041165	Phan Diệu Thùy	19/01/2000	9.2	5.5	6.6	Kinh tế vi mô
28	K52 NHAU	18D4061005	Lê Thị Ngọc Châu	18/03/2000	0.0	5.0	3.5	Kế toán quản trị
29	K51 QTKD	17D4021164	Đoàn Phú Quang	17/09/1999	9.0	9.5	9.4	Lễ tân ngoại giao
30	K52 TTMKT	18D4021161	Huỳnh Xuân Vĩ	06/12/2000	8.7	0.0	2.6	Lễ tân ngoại giao
31	K52 QTKS1	18D4051252	Phạm Huỳnh Anh Thi	27/10/2000	9.3	8.0	8.4	Marketing dịch vụ
32	K51 QTKD	17D4021133	Bùi Quang Nhật	13/04/1999	4.8	7.5	6.4	Nhập môn quan hệ công chúng
33	K52 QTKS2	18D4051158	Nguyễn Thị Bích Ngân	15/06/2000	8.8	8.0	8.3	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
34	K52 NHAU	18D4061005	Lê Thị Ngọc Châu	18/03/2000	0.0	5.0	3.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
35	K53 QTKS ĐT1	19D1400405	Hồ Hữu Sơn	26/05/2002	0.0	0.0	0.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
36	K52 QTKS1	18D4051252	Phạm Huỳnh Anh Thi	27/10/2000	10.0	7.1	8.3	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
37	K53 QTKS ĐT3	19D4051481	Lê Thị Hồng Thuý	24/09/2001	8.0	4.7	6.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
38	K52 QTKS ĐT1	18D4051067	Lê Thuý Hằng	25/10/2000	8.0	3.8	5.5	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
39	K52 QTKS ĐT1	18D4051095	Châu Thị Thu Hương	04/06/2000	8.0	4.6	6.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
40	K51 KTDL	17D4031045	Trần Thị Thu Vân	05/11/1999	9.3	8.0	8.4	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
41	K51 KTDL	17D4031048	Nguyễn Thị Như Ý	01/11/1999	8.5	7.3	7.7	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
42	K52 LHĐT2	18D4011683	Nguyễn Thị Uyên	20/04/2000	7.3	0.0	2.2	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
43	K52 TCSK	18D4021126	Nguyễn Anh Tài	28/02/2000	7.7	7.3	7.4	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
44	K52 DL2	18D4041174	Đình Thị Thương	02/06/2000	0.0	0.0	0.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
45	K52 QTKS ĐT1	18D4051225	A Lê Hồ Sứ	06/07/2000	8.3	6.5	7.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
46	K52 NHAU	18D4061051	Bùi Văn Thành	16/07/2000	8.7	6.6	7.2	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
47	K53 LHĐT4	19D4011175	Phan Văn Hiệp	31/03/2001	8.3	6.5	7.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
48	K53 LHĐT1	19D4011193	Nguyễn Đình Hoàng	24/10/2001	0.0	0.0	0.0	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
49	K53 LHĐT2	19D4011572	Hoàng Thị Phương Thảo	02/02/2001	8.3	6.6	7.1	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
50	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	7.0	5.8	6.2	Ngoại ngữ chuyên ngành 1
51	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	8.3	5.5	6.3	Quản trị chất lượng dịch vụ
52	K52 HDDL ĐT2	18D4011518	Phan Thanh Tân	29/07/2000	8.3	5.5	6.3	Quản trị chất lượng dịch vụ

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
53	K52 DL1	18D4041185	Lê Đỗ Đức Trí	19/02/2000	9.5	7.9	8.5	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
54	K52 QTKS ĐT1	18D4051225	A lê Hờ Sứ	06/07/2000	9.0	3.6	5.8	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
55	K52 QTKS ĐT1	18D4051269	Phạm Thị Minh Thu	23/02/2000	9.0	6.4	7.4	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
56	K52 QTKS ĐT2	18D4051279	Đỗ Thị Mai Trang	17/01/2000	9.0	5.0	6.6	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
57	K51 QLLH3	17D4011288	Trần Hà Kiều Oanh	25/04/1999	8.5	9.0	8.8	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
58	K51 KTDL	17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	7.8	7.4	7.6	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
59	K52 HDDL	18D4011532	Lê Thị Kim Thảo	06/06/2000	0.0	6.0	3.6	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
60	K52 DL2	18D4041008	Vũ Thị Vân Anh	15/10/2000	8.0	3.3	5.2	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
61	K52 DL2	18D4041182	Nguyễn Trần Bảo Trân	27/07/2000	7.0	4.8	5.7	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
62	K52 QTKS2	18D4051009	Hoàng Hải Anh	27/12/1999	7.0	8.4	7.8	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
63	K52 QTKS2	18D4051158	Nguyễn Thị Bích Ngân	15/06/2000	6.0	8.1	7.3	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
64	K52 QTKS2	18D4051168	Phan Thị Cẩm Nhân	23/11/2000	8.0	8.1	8.1	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
65	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	8.5	6.5	7.3	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
66	K52 QTKS2	18D4051345	Hoàng Thị Hồng Phúc	11/07/2000	7.0	7.8	7.5	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
67	K51 QTKD	17D4021171	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/03/1999	9.0	4.6	6.4	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
68	K52 QLLH ĐT1	18D4011147	Hồ Thị Hằng	18/01/2000	9.5	9.2	9.3	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
69	K52 KTDL	18D4031027	Nguyễn Phương Thi	11/02/2000	7.0	7.2	7.1	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
70	K52 DL2	18D4041019	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	25/01/2000	0.0	7.6	4.6	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
71	K52 QTKS1	18D4051061	Lê Thị Mỹ Hạnh	09/06/2000	0.0	5.0	3.0	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
72	K52 QTKS1	18D4051195	Phan Thị Đoán Ni	07/10/2000	0.0	4.8	2.9	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
73		17D4031026	Nguyễn Chí Nhân	02/08/1999	8.0	7.0	7.4	Kinh tế chính trị Mác-LêNin
74	K52 TCSK	18d4021126	Nguyễn Anh Tài	28/02/2000	8.0	8.0	8.0	Marketing căn bản
75	K52 TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	8.0	7.0	7.3	Marketing căn bản
76	K52 HDDL	18D4011002	Nguyễn Văn An	08/08/2000	8.0	8.3	8.2	Nguyên lý thống kê kinh tế
77	K52 LH2	18D4011218	nguyễn đình huy	13/04/2000	7.3	4.8	5.6	Nguyên lý thống kê kinh tế
78	K52 LH2	18D4011362	Giáp Hiếu Ngân	02/10/2000	8.3	4.8	5.9	Nguyên lý thống kê kinh tế
79	K52 TCSK	18D4021106	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/11/2000	7.3	0.8	2.8	Nguyên lý thống kê kinh tế
80	K52 TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	7.3	0.3	2.4	Nguyên lý thống kê kinh tế
81	K53 QTKS3	19D4051552	Cao Ngọc Tuấn	15/09/2001	8.0	7.8	7.9	Nguyên lý thống kê kinh tế

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
82	K52 QLLH ĐT2	18D4011436	Đoàn Thị Kiều Oanh	27/08/2000	9.0	7.0	7.6	Ngoại ngữ chuyên ngành 2
83	K52 LHĐT2	18D4011683	Nguyễn Thị Uyên	21/04/2000	2.7	6.2	5.2	Ngoại ngữ chuyên ngành 2
84	K52 LHĐT2	18D4011700	Phạm Thế Vinh	26/06/2000	8.3	4.0	5.3	Ngoại ngữ chuyên ngành 2
85	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	9.0	5.0	6.2	Ngoại ngữ chuyên ngành 2
86	2	18D4011023	Lê Ngọc Ánh	25/06/2000	8.0	7.0	7.3	Pháp luật đại cương
87	K52 TCSK	18d4021126	Nguyễn Anh Tài	28/02/2000	6.7	5.0	5.5	Pháp luật đại cương
88	K52 TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	6.7	5.0	5.5	Pháp luật đại cương
89	K52 QTKS1	18D4051310	Lê Thị Tuyền	07/06/2000	8.0	6.0	6.6	Pháp luật đại cương
90	K54 LH2	20D4010628	Nguyễn Thành Lũy	09/06/2002	6.7	4.0	4.8	Pháp luật đại cương
91	K54 LH2	20D4010819	Cao Ngọc Quý	29/07/2002	7.3	5.0	5.7	Pháp luật đại cương
92	K54 LHĐT2	20D4011018	Võ Phước Nhật Tư	26/03/2002	7.3	4.0	5.0	Pháp luật đại cương
93	K52 QTKS1	18D4051300	Nguyễn Thị Trinh	02/12/2000	7.3	6.0	6.4	Pháp luật đại cương
94	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	5.7	3.5	4.2	Quản trị nhân lực
95	K53 LH1	19D4011654	Nguyễn Thị Bảo Trâm	26/03/2001	7.7	3.5	4.8	Toán cao cấp 2
96	K53 LH1	19D4011115	Nguyễn Công Nam Giang	22/09/2000	8.0	4.5	5.6	Toán cao cấp 2
97	L53QTDV&LH1	19D4011281	Huỳnh Thị Mỹ Linh	01/01/2001	6.7	5.0	5.5	Toán cao cấp 2
98	K53TCSK	19D4021093	Ngô Thị Tiên	08/08/2001	7.3	3.5	4.6	Toán cao cấp 2
99	K53 Lữ Hành 1	19D4011707	Dương Thị Cẩm Tuyền	28/04/2001	5.0	5.0	5.0	Toán cao cấp 2
100	K53 TCSK	19D4021017	Võ Thị Mỹ Duyên	09/12/2001	6.3	2.5	3.6	Toán cao cấp 2
101	K53 TCSK	19D4021067	Nguyễn Hoàng Uyên Phương	09/01/2001	10.0	4.5	6.2	Toán cao cấp 2
102	K53 TCSK	19D4021048	Võ Thị Thùy Ngân	17/07/2001	7.0	3.0	4.2	Toán cao cấp 2
103	K48 TCSK	14D4022002	Nguyễn Mậu Nhất	06/03/1995	5.0	3.5	4.0	Toán cao cấp 2
104	K53 TCSK	19D4021116	Hắc Thị Phương Anh	05/10/2001	8.0	4.0	5.2	Toán cao cấp 2
105	K52 TT Marketing	18D4021093	Lê Thảo Nhi	05/09/2000	8.3	4.5	5.6	Toán cao cấp 2
106	K53 TCSK	19D4021061	Tôn Nữ Thùy Linh	11/07/2001	8.7	3.5	5.1	Toán cao cấp 2
107	K53 TCSK	19D4021110	Trần Thị Kim Vân	02/06/2001	7.3	1.0	2.9	Toán cao cấp 2
108	K53 TCSK	19D4021060	Nguyễn Đức Hào Ninh	08/09/2001	8.0	1.5	3.5	Toán cao cấp 2
109	K53 TCSK	19D4021034	Nguyễn Anh Kiệt	01/06/2001	8.0	1.0	3.1	Toán cao cấp 2
110	K53 TCSK	19D4021062	Trần Ken Ny	06/10/2001	8.0	1.0	3.1	Toán cao cấp 2

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
111	K53 TCSK	19D4021070	Trần Thị Hoàng Quý	08/04/2001	0.0	0.0	0.0	Toán cao cấp 2
112	K53 TCSK	19D4021068	Nguyễn Thị Thanh Phương	30/10/2001	8.0	5.5	6.3	Toán cao cấp 2
113	K53 TCSK	19D4021007	Huỳnh Văn Quốc Bảo	19/06/2001	3.3	0.0	1.0	Toán cao cấp 2
114	K53 LH1	19D4011324	Võ Thị Ly	02/10/2001	9.0	3.0	4.8	Toán cao cấp 2
115	K53 TCSK	19D4021051	Mai Xuân Nhật	10/11/2001	6.7	3.5	4.5	Toán cao cấp 2
116	K53 TCSK	19D4021005	Hoàng Ngọc Ánh	01/01/2001	9.3	5.5	6.6	Toán cao cấp 2
117	K52 TCSK	18D4021126	Nguyễn Anh Tài	28/02/2000	8.0	3.5	4.9	Toán cao cấp 2
118	K52 HDDL ĐT2	18D4011400	nguyễn trọng nhật	20/02/2000	9.7	5.0	6.4	Thống kê kinh doanh và kinh tế
119	K52 LHĐT2	18D4011500	Nguyễn Thị Minh Sang	26/10/2000	10.0	3.5	5.5	Thống kê kinh doanh và kinh tế
120	K52 LHĐT2	18D4011680	Dương Thị Uyên	16/01/2000	8.7	8.5	8.6	Thống kê kinh doanh và kinh tế
121	K52 LHĐT2	18D4011683	Nguyễn Thị Uyên	20/04/2000	0.0	4.0	2.8	Thống kê kinh doanh và kinh tế
122	K52 DL2	18D4041015	Nguyễn Thị Cung	06/03/2000	8.7	5.8	6.7	Thống kê kinh doanh và kinh tế
123	K52 DL2	18D4041069	Nguyễn Thị Mỹ Linh	12/07/2000	8.7	7.0	7.5	Thống kê kinh doanh và kinh tế
124	K52 DL1	18D4041185	Lê Đỗ Đức Trí	19/02/2000	10.0	3.0	5.1	Thống kê kinh doanh và kinh tế
125	K52 DL 2	18D4041186	ĐOÀN PHI TUẤN	26/10/2000	8.0	6.5	7.0	Thống kê kinh doanh và kinh tế
126	K52 QTKS ĐT1	18D4051145	Nguyễn Thị Huyền My	05/09/2000	9.3	3.5	5.2	Thống kê kinh doanh và kinh tế
127	K52 QTKS ĐT1	18D4051225	A Lê Hờ Sứ	06/07/2000	8.7	7.0	7.5	Thống kê kinh doanh và kinh tế
128	K52 QTKS ĐT1	18D4051269	Phạm Thị Minh Thu	23/02/2000	8.7	6.0	6.8	Thống kê kinh doanh và kinh tế
129	K53 DL1	19D4041154	Phạm Duy Huy	15/03/2001	8.7	0.0	2.6	Thống kê kinh doanh và kinh tế
130	K52 TCSK	18d4021126	Nguyễn Anh Tài	28/02/2000	8.6	8.5	8.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh
131	K52 TTMKT	18D4021127	Phạm Tấn Tài	26/01/2000	8.6	5.5	6.7	Tư tưởng Hồ Chí Minh
132	K52 QTKS ĐT1	18D4051044	Nguyễn Dũng	03/08/2000	0.0	8.3	5.0	Tư tưởng Hồ Chí Minh
133	K52 QTKS2	18D4051137	Đặng Thị Diễm Mi	17/05/2000	9.1	8.0	8.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh
134	K53 LHĐT2	19d4011231	Nguyễn Thị Huyền	18/02/2001	8.0	0.0	3.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
135	K54 LH2	20D4010672	Đoàn Thị Nga	16/01/2002	9.1	8.5	8.7	Tư tưởng Hồ Chí Minh
136	0	18D4011002	Nguyễn Văn An	8/8/2000	8.0	4.0	5.6	Tư tưởng Hồ Chí Minh
137	K50 HDDL2	16D4011149	Lê Như Vũ Nghi	28/11/1998	9.0	9.0	9.0	Thực tập nghiệp vụ
138	K50 HDDL2	16D4011149	Lê Như Vũ Nghi	28/11/1998	9.0	9.0	9.0	Thực tập quản lý
139	LHĐT2	19D4011258	Phan Văn Lâm	18/10/2001	8.2	4.8	5.8	Toán ứng dụng trong kinh tế

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
140	ĐT1	19D4011004	Nguyễn Thanh An	24/ 10/2001	8.2	4.8	5.8	Toán ứng dụng trong kinh tế
141	QTDVDL&LH	19D4011637	Đỗ Nguyễn Thùy Tiên	17/05/2001	9.4	4.5	6.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
142	QTDVDL&LH	19D4011653	Lê Thị Ngọc Trâm	03/03/1999	8.8	5.2	6.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
143	LHdt2	19D4011766	Nguyễn Thị Hồng	07/06/2001	9.3	3.7	5.4	Toán ứng dụng trong kinh tế
144	QTDVDL&LH	19D4011395	Trần Thị Thảo Nguyên	04/07/2001	8.8	6.5	7.2	Toán ứng dụng trong kinh tế
145	& LHĐT2	19D4011753	Nguyễn Thị Hồng Vy	27/11/2001	9.3	6.7	7.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
146	& LHĐT2	19D4011215	Ngô Thuý Hương	17/02/2001	8.0	6.2	6.7	Toán ứng dụng trong kinh tế
147	LHĐT1	20D4010974	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/10/2002	0.0	0.0	0.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
148	QTDVDL&LH	19D4011090	Bùi Thị Thuý Dương	27/10/2001	8.3	6.5	7.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
149	HĐT2	19D4011604	Châu Thị Lệ Thu	03/05/2001	8.7	5.5	6.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
150	AU	19D4061098	Huỳnh Thị Mỹ Tâm	06/01/2001	0.0	0.0	0.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
151	& LHĐT2	19D4011562	Đoàn Thị Thanh	04/08/2001	8.2	4.7	5.8	Toán ứng dụng trong kinh tế
152	LHĐT2	19D4011362	Hồ Thị Năm	22/09/2001	8.2	4.5	5.6	Toán ứng dụng trong kinh tế
153	& LHĐT2	19D4011611	Nguyễn Trần Anh Thư	28/09/2001	9.3	6.5	7.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
154	& LHĐT2	19D4011033	Hoàng Thị Thanh Bình	29/06/2001	8.2	7.5	7.7	Toán ứng dụng trong kinh tế
155	& LHĐT4	19D4011166	Nguyễn Thị Hiền	14/02/2001	8.1	6.0	6.6	Toán ứng dụng trong kinh tế
156	& LHĐT2	19D4011574	Đặng Thị Thanh Thảo	11/01/2001	7.5	6.0	6.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
157	LHĐT4	19D4011693	Huỳnh Đức Trung	28/12/2001	8.4	8.2	8.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
158	& LHĐT2	19D4011072	Nguyễn Ngọc Diệp	13/08/2001	8.7	5.5	6.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
159	& LHĐT2	19D4011383	Lê Thị Bảo Ngọc	09/08/2001	8.7	9.0	8.9	Toán ứng dụng trong kinh tế
160	& LHDT 2	19D4011255	Ngô Thị Thu Lam	05/07/2001	8.6	6.0	6.8	Toán ứng dụng trong kinh tế
161	k53 QTKSĐT 3	19D4051186	Bạch Thị Khánh	22/03/2001	0.0	0.0	0.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
162	& LHĐT 2	19D4011605	Dương Thị Hoài Thu	02/01/2001	9.0	7.5	8.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
163	k53 QTKSĐT 3	19D4051153	Hoàng Thảo Hương	18/10/2001	0.0	0.0	0.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
164	& LHĐT2	19D4011078	Lê Thị Phương Đông	16/03/2001	8.2	5.1	6.0	Toán ứng dụng trong kinh tế
165	& LHĐT 2	19D4011019	Đào Ngọc Ánh	07/05/2001	8.2	7.2	7.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
166	& LHĐT2	119D4011015	Phạm Thị Ngọc Anh	06/08/2000	8.2	5.5	6.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
167	& LHĐT 2	19D4011409	Hoàng Thanh Nhật	27/09/2001	8.5	5.7	6.5	Toán ứng dụng trong kinh tế
168	& LHĐT 2	19D4011591	Trần Gia Thê	21/05/2001	8.0	5.0	5.9	Toán ứng dụng trong kinh tế

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
169	& LHĐT2	19D4011251	Nguyễn Hữu Khôi	06/01/2001	8.5	4.8	5.9	Toán ứng dụng trong kinh tế
170	& LHĐT 2	19D4011211	Phan Công Hưng	14/04/2001	9.2	6.5	7.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
171	& LHĐT 2	19D4011163	Lê Thị Diệu Hiền	25/10/2001	7.2	7.5	7.4	Toán ứng dụng trong kinh tế
172	& LHĐT 2	19D4011288	Phạm Thị Thảo Linh	12/01/2001	8.0	7.0	7.3	Toán ứng dụng trong kinh tế
173	& LHĐT 2	19D4011209	Nguyễn Văn Hưng	16/01/2001	9.1	5.5	6.6	Toán ứng dụng trong kinh tế
174	& LHĐT 2	19D4011594	Lê Quang Thi	25/07/2001	8.7	6.0	6.8	Toán ứng dụng trong kinh tế
175	& LHĐT 2	19D4011311	Trần Việt Thành Long	20/11/2001	8.1	6.3	6.8	Toán ứng dụng trong kinh tế
176	& LHĐT2	19D4011559	Nguyễn Trọng Thắng	28/12/2001	9.0	5.7	6.7	Toán ứng dụng trong kinh tế
177	& LHĐT2	19D4011752	Nguyễn Hữu Tuấn Vũ	20/10/2000	9.1	5.2	6.4	Toán ứng dụng trong kinh tế
178	K53 LHĐT4	19D4011293	Trần Thị Mỹ Linh	16/05/2001	9.3	0.0	2.8	Văn hóa và du lịch
179	K53 LHĐT4	19D4011293	Trần Thị Mỹ Linh	16/05/2001	8.2	0.0	2.5	Văn hóa đa quốc gia
180	K52TTMKT	18D4021127	Phạm Tấn Tài	26/01/2000	8.0	7.0	7.3	Văn hóa huế
181	K52HDDL	18D4011184	Trần Đăng Hinh	20/04/1999	8.0	8.0	8.0	Văn hóa huế
182	K52TTMKT	18D4021043	Hoàng Thị Hoa	04/10/2000	8.7	8.0	8.2	Văn hóa huế
183	K52TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	8.0	8.0	8.0	Văn hóa huế
184	K52TCSK	18D4021006	Phạm Nguyễn Trâm Anh	20/02/2000	8.0	8.0	8.0	Văn hóa huế
185	K53 TCSK	19D4021070	Trần Thị Hoàng Quý	08/04/2001	2.7	0.0	0.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
186	K54 LH2	20D4010945	Nguyễn Phúc Anh Thy	26/11/2002	6.0	1.5	2.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
187	K53 LH2	19D4011427	Huỳnh Thị Mỹ Nhiều	20/05/2001	5.0	1.0	2.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
188	K54 LH2	20D4010689	Đặng Nguyễn Thảo Ngân	12/08/2002	6.0	1.0	2.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
189	khách sạn 3	19D4051443	Trần Ngọc Uyên Thi	16/01/2001	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
190	QTNH&DV AU	18D4061001	Huỳnh Thiện An	20/02/1999	5.7	5.0	5.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
191	K53 qtk2	19d4051091	Hoàng ngọc hải	26/11/2001	5.7	4.5	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
192	K53 QTKS2	19D4051456	Hoàng Thị Kim Thoa	09/04/2001	7.0	6.0	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
193	K53QTKS3	19D4051424	Phan Thị Thanh	23/05/2001	8.7	5.5	6.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
194	K53 QTKS2	19D4051181	Trương Thị Thanh Huyền	12/01/2001	7.0	5.0	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
195	K53 QTKS2	19d4051073	Võ Thị Phương Duyên	03/04/2001	6.0	4.5	5.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
196	K53 QTKS3	19D4051462	Nguyễn Thị Thu	08/09/2001	6.7	4.0	4.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
197	K51 QLLH2	17D4011097	Nguyễn Nhạc Hoàng	28/08/1999	4.7	0.0	1.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
198	K53 QTKS 3	19d4051574	Phạm Thị Hà Vi	14/05/2001	4.0	0.0	1.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
199	K53 QTKS1	19D4051471	Nguyễn Như Thuần	10/03/2001	6.7	5.0	5.5	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
200	K53TCSK	19D4021093	Ngô Thị Tiên	08/08/2001	7.0	3.5	4.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
201	K53TCQLSK	19D4021094	Phạm Thị Thùy Trâm	05/09/2001	6.3	3.5	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
202	K53 QTKS1	19D4051369	Hoàng Thị Xuân Phương	15/12/2001	7.7	3.5	4.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
203	K53 QTKS1	19D4051275	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/03/2001	8.0	5.5	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
204	K52 QTKS2	18D4051036	Lê Thị Thanh Dung	20/10/2000	8.7	6.5	7.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
205	K52 QTKS2	18D4051045	Lê Thị Thùy Dương	02/02/2000	9.3	7.0	7.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
206	K52 QTKS2	18D4051130	Huỳnh Hồ Hương Ly	19/12/2000	9.0	7.0	7.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
207	K52 QTKS2	18D4051109	Lê Thị Kim Liên	02/02/2000	6.7	5.5	5.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
208	K52 QTKS2	18D4051144	Nguyễn Thị Hàn My	01/08/2000	8.7	3.0	4.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
209	K52 QTKS2	18D4051168	Phan Thị Cẩm Nhân	23/11/2000	6.7	3.0	4.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
210	K52 QTKS2	18D4051158	Nguyễn Thị Bích Ngân	15/06/2000	7.3	4.0	5.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
211	K52 QTKS2	18D4051180	Phan Thị Hồng Nhi	17/10/2000	8.7	4.0	5.4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
212	K52 QTKS2	18D4051178	Nguyễn Thị ý Nhi	29/12/2000	9.0	5.0	6.2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
213	K52 QTKS2	18D4051184	Nguyễn Thị Thảo Nhu	01/07/2000	8.3	4.5	5.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
214	K52 QTKS2	18D4051261	Nguyễn Thị Phương Thùy	17/02/2000	7.3	3.0	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
215	K52 QTKS2	18D4051237	Lê Thị Thu Thảo	17/12/2000	10.0	6.5	7.6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
216	K52 QTKS2	18D4041282	Lê Nguyễn Đoàn Trang	20/03/2000	7.0	4.0	4.9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
217	K52 QTKS2	18D4051305	Lê Việt Trọng	23/10/2000	6.3	3.0	4.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
218	K52 QTKS2	18D4051203	Bùi Thiên Phú	23/08/2000	6.3	4.0	4.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
219	K52 QTKS2	18D4051291	Lê Thị Ngọc Trâm	06/05/2000	7.0	6.0	6.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
220	K52 QTKS2	18D4061001	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	5.0	4.0	4.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
221	K52 TTMKT	18D4021036	Lê Thị Thuý Hằng	27/06/2000	8.3	5.0	6.0	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
222	K50 LH1	16D4011120	Nguyễn Kim Luyết	02/10/1998	6.7	3.0	4.1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
223	0	0	Nguyễn Tấn Đạt	00/01/1900	6.0	0.0	1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
224	K53LH ĐT3	0	Nguyễn Quang Linh	26/4/01	8.0	5.0	5.9	Ngoại ngữ chuyên ngành 2
225	K53LH ĐT3	0	Nguyễn Quang Linh	26/4/01	8.7	7.0	7.5	Hệ thống tuyển điểm
226	K53LH ĐT4	0	Nguyễn Quang Linh	26/4/01	9.5	5.0	6.4	Lịch sử Đảng CSVN

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
227	K53 TCSK	19D4021070	Trần Thị Hoàng Quý	08/04/2001	5.9	0.0	2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học
228	lịch	17D4021177	Lê Văn Thành	14/05/1999	8.7	7.8	8.1	Kinh tế vĩ mô
229	2	18D4011023	Lê Ngọc Ánh	25/06/2000	8.7	6.8	7.4	Kinh tế vĩ mô
230	K52 HDDL ĐT1	18D4011181	Lê Thị Hiệp	18/09/2000	8.2	7.5	7.7	Kinh tế vĩ mô
231	K52 LHĐT2	18D4011533	Lê Thị Thanh Thảo	29/11/2000	8.7	9.0	8.9	Kinh tế vĩ mô
232	K52 LH2	18D4011566	Phan Thị Thiện	06/04/2000	9.0	8.5	8.7	Kinh tế vĩ mô
233	K52 LHĐT2	18D4011638	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	01/09/2000	8.7	8.8	8.8	Kinh tế vĩ mô
234	2	18D4011670	Hà Thị Ánh Tuyết	06/11/2000	8.7	8.3	8.4	Kinh tế vĩ mô
235	K52 LHĐT2	18D4011680	Dương Thị Uyên	16/01/2000	9.0	8.3	8.5	Kinh tế vĩ mô
236	K52 TCSK	18D4021100	Trần Thị Tuyết Nhi	07/03/2000	7.0	5.5	6.0	Kinh tế vĩ mô
237	K52 TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	7.0	4.5	5.3	Kinh tế vĩ mô
238	K53 QTKS ĐT1	19D1400405	Hồ Hữu Sơn	26/05/2002	2.0	0.0	0.6	Kinh tế vĩ mô
239	K52 HDDL ĐT2	18D4011400	nguyễn trọng nhật	20/02/2000	9.0	8.0	8.3	Kinh tế vĩ mô
240	K50 TMĐT	16D4021042	Nguyễn Văn Hùng	28/02/1998	9.2	10.0	9.8	Kinh tế vĩ mô
241	K52 LH2	18D4011063	Nguyễn Thị Thanh Dung	10/04/2000	9.6	5.0	6.4	Tổng quan du lịch
242	K52 LHĐT2	18D4011316	Phan Cảnh Vũ Long	06/12/2000	10.0	5.0	6.5	Tổng quan du lịch
243	K52 LHĐT2	18D4011683	Nguyễn Thị Uyên	20/04/2000	8.7	8.5	8.6	Tổng quan du lịch
244	K52 TCSK	18D4021106	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/11/2000	10.0	5.0	6.5	Tổng quan du lịch
245	K52 TCSK	18D4021163	Phạm Long Vũ	31/05/2000	10.0	5.5	6.9	Tổng quan du lịch
246	K52 DL1	18D4041185	Lê Đỗ Đức Trí	19/02/2000	9.3	9.0	9.1	Tổng quan du lịch
247	K52 QTKS	18D4051018	Trần Thị Ngọc Ánh	22/11/2000	10.0	7.5	8.3	Tổng quan du lịch
248	K52 QTKS2	18D4051247	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10/01/2000	8.8	5.2	6.3	Tổng quan du lịch
249	K53 LHĐT4	19D4011177	Hoàng Minh Hiếu	20/01/2001	9.3	4.0	5.6	Tổng quan du lịch
250	K53 LHDĐT1	19D4011178	Lê Trung Hiếu	23/02/2001	10.0	0.0	3.0	Tổng quan du lịch
251	K53 LHĐT1	19D4011193	Nguyễn Đình Hoàng	24/10/2001	10.0	0.0	3.0	Tổng quan du lịch
252	K54 DL1	20D4040006	Võ Quỳnh Anh	13/11/2002	9.3	3.6	5.3	Tổng quan du lịch
253	K54 DL1	20D4040028	Trần Thị Thu Hương	08/03/2002	9.6	4.4	6.0	Tổng quan du lịch
254	K54 DL	20D4040134	Phan Thị Ngọc Bích	15/02/2002	9.6	5.2	6.5	Tổng quan du lịch
255	K54 DL1	20D4040328	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	28/09/2002	8.9	4.0	5.5	Tổng quan du lịch

STT	LỚP THEO HỌC	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	Điểm QTHT	Điểm thi	Điểm HP	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ
256	K54 DL1	20D4040381	Cao Minh Tâm	03/05/2002	0.0	0.0	0.0	Tổng quan du lịch
257	K54 DL1	20D4040466	Hồ Thị Uyên	27/02/2002	9.6	5.0	6.4	Tổng quan du lịch
258	K54 DL điện tử	20D4070031	Huỳnh Văn Trung Thông	28/05/2002	9.8	5.8	7.0	Tổng quan du lịch
259	K52 HDDL ĐT1	18D4011505	Nguyễn Văn Sơn	17/02/2000	10.0	6.0	7.2	Tổng quan du lịch